

MỘT SỐ VẤN ĐỀ VỀ DẤU HIỆU PHÁP LÝ CỦA TỘI ĐUA XE TRÁI PHÉP

TS. TRƯƠNG QUANG VINH*

ThS. CAO THỊ OANH**

Trước khi BLHS năm 1999 được ban hành, hành vi đua xe trái phép không được quy định thành tội danh riêng để xử lý độc lập. Hành vi này có những biểu hiện rõ rệt của một tội danh được BLHS năm 1985 quy định, đó là tội gây rối trật tự công cộng. Vì vậy, quy định của điều luật này được sử dụng để xử lý về hình sự hành vi đua xe trái phép. Tuy nhiên, do hành vi đua xe trái phép có những đặc điểm khác biệt so với các hành vi này (như động cơ chủ yếu nhằm tạo cảm giác hưng phấn, nhằm thoả mãn nhu cầu cá cược...) nên việc xử lý về tội gây rối trật tự công cộng không thể hiện được triệt để đường lối xử lý gắn sát với tính chất của hành vi đặc biệt là bằng việc xây dựng các tình tiết định khung tăng nặng phù hợp. Xuất phát từ lý do đó, trong BLHS năm 1999, đua xe trái phép được quy định là một tội danh độc lập tại Điều 207. Có thể khẳng định rằng điều luật này đã đáp ứng ở mức độ cao hơn những đòi hỏi của hoạt động xử lý những hành vi đua xe trái phép. Tuy nhiên, thực tiễn cũng cho thấy vẫn còn tồn tại những hạn chế, vướng mắc liên quan đến nội dung mà điều luật quy định và cách hiểu một số dấu hiệu pháp lý của nó.

Thứ nhất, theo quy định tại điều luật này thì các phương tiện đua là các phương tiện giao thông đường bộ có gắn động cơ như ô tô, xe máy... Đây là những phương tiện mà khi được sử dụng vào các cuộc đua xe bất hợp pháp chứa đựng khả năng gây ra những hậu quả nguy hại cho an toàn công cộng, trật tự cộng đồng, tính mạng, sức khoẻ và tài sản của con người. Đối với những phương tiện thuộc loại lưỡng tính (ví dụ: Xe đạp điện) thì việc chứng minh chủ thể có sử dụng động cơ của những phương tiện này khi tham gia đua hay không là vấn đề rất phức tạp. Mặt khác, các chủ thể khi đã lựa chọn loại phương tiện này để đua cũng thường có ý thức lợi dụng sự "lưỡng tính" của phương tiện. Vì vậy, theo quan điểm của chúng tôi, tất cả những trường hợp sử dụng các phương tiện đua lưỡng tính đều cần phải được xác định là sử dụng các phương tiện có gắn động cơ.

Thứ hai, điều luật quy định người thực hiện hành vi đua xe trái phép chỉ có thể bị truy cứu trách nhiệm hình sự nếu đã gây thiệt hại cho sức khoẻ, tài sản của người

*, ** Giảng viên chính, giảng viên Khoa luật hình sự Trường Đại học Luật Hà Nội

khác hoặc đã bị xử phạt hành chính về hành vi này hoặc đã bị kết án về tội này, chưa được xoá án tích mà còn vi phạm (đặc điểm xấu về nhân thân). Về vấn đề này, chúng tôi cho rằng bản thân hành vi đua xe trái phép (chưa cần gây ra hậu quả) đã có tính nguy hiểm đáng kể cho xã hội để xác định là tội phạm. Hành vi này rõ ràng có tính nguy hiểm cao hơn nhiều so với một số hành vi vi phạm quy định về an toàn giao thông đường bộ khác như đi không đúng luồng đường, vượt quá tốc độ... Thực tiễn cũng cho thấy những hành vi đua xe trái phép (chưa gây ra hậu quả) mà chỉ bị xử phạt hành chính là quá nhẹ bởi vì loại chế tài này không đủ nghiêm khắc để răn đe, ngăn ngừa những hành vi nguy hiểm này. Có những vụ việc khi xảy ra, các cơ quan tiến hành tố tụng đều nhận thức được tính nguy hiểm đáng kể của hành vi nên tìm cách để xử lý về hình sự nhưng lại không thể xử lý về tội đua xe trái phép (vì hậu quả không xảy ra) nhưng cũng không thể chuyển sang một tội danh khác để xử lý được vì các tội có liên quan cũng quy định hậu quả là dấu hiệu bắt buộc (ví dụ: Tội gây rối trật tự công cộng). Từ những lý do nói trên, chúng tôi cho rằng đối với loại hành vi này cần quy định CTTP dưới dạng CTTP hình thức (không quy định hậu quả là dấu hiệu bắt buộc). Hậu quả (ở mức độ nhất định) nên được quy định là tình tiết định khung tăng nặng của điều luật.

Bên cạnh đó, chúng tôi cũng cho rằng bản thân đặc điểm xấu về nhân thân của người thực hiện hành vi không thể làm cho một hành vi nguy hiểm không đáng kể cho xã hội có thể trở thành hành vi nguy hiểm đáng kể cho xã hội. Về vấn đề này, chúng tôi đồng ý với khẳng định của PGS. TS. Nguyễn Ngọc Hoà: *"Đặc điểm xấu về nhân thân không có ý nghĩa quyết định hành vi trở thành hành vi phạm tội mà chỉ có ý nghĩa làm tăng mức hình phạt cho người thực hiện hành vi phạm tội để bảo đảm cho hình phạt đạt được mục đích"*.⁽¹⁾ Do đó, chúng tôi cho rằng cần bỏ dấu hiệu đặc điểm xấu về nhân thân người thực hiện hành vi trong CTTP cơ bản tội đua xe trái phép.

Thứ ba, về việc xác định lỗi của tội đua xe trái phép. Trong tài liệu Hội nghị tập huấn chuyên sâu BLHS năm 1999, lỗi của người phạm tội đua xe trái phép được xác định là cố ý trực tiếp nhưng không mong muốn hậu quả thiệt hại xảy ra. Sự giải thích này phù hợp với tên tội danh là "đua xe trái phép" và cũng hợp lý đối với trường hợp điều luật quy định hậu quả không phải là dấu hiệu bắt buộc (lúc đó chỉ xác định lỗi đối với hành vi nguy hiểm được thực hiện) nhưng lại mâu thuẫn với lý luận chung về lỗi trong trường hợp hậu quả được quy định là dấu hiệu bắt buộc vì trong trường hợp này lỗi phải được hiểu là thái độ thống nhất của người thực hiện hành vi đối với cả hành vi mà mình thực

hiện và cả hậu quả do chính hành vi đó gây ra.

Vì vậy, chúng tôi hoàn toàn đồng ý với quan điểm của PGS.TS. Nguyễn Ngọc Hoà khi khẳng định rằng với cách quy định của Điều 207 hiện nay nhà làm luật đã quy định hai loại lỗi trong CTTT cơ bản: Lỗi vô ý trong CTTT quy định hậu quả là dấu hiệu bắt buộc và lỗi cố ý trong CTTT quy định đặc điểm nhân thân là dấu hiệu bắt buộc. Nếu xuất phát từ tên tội danh và theo nguyên tắc chung để giải thích thì dấu hiệu lỗi của cấu thành tội phạm này là lỗi cố ý. Nhưng theo cách hiểu của chúng ta hiện nay và đối chiếu khung hình phạt của tội này với khung hình phạt của tội cố ý gây thương tích thì lỗi của chủ thể đối với hậu quả thương tích ở tội này chỉ có thể là lỗi vô ý.⁽²⁾

Trong trường hợp thứ nhất lỗi của người phạm tội là lỗi vô ý vì quá tự tin, người thực hiện hành vi đua xe trái phép nhận thức được tính chất nguy hiểm của hành vi mà mình thực hiện, thấy trước khả năng gây thiệt hại cho sức khỏe, tài sản của người khác từ hành vi đó nhưng tin rằng hậu quả sẽ không xảy ra.

Trong trường hợp thứ hai người phạm tội biết rõ hành vi đua xe trái phép của mình là nguy hiểm cho xã hội nhưng vẫn cố tình thực hiện.

Việc quy định hai loại lỗi trong CTTT cơ bản của tội đua xe trái phép như hiện nay mâu thuẫn với lý luận chung về lỗi vi

về nguyên tắc trong cấu thành tội phạm cơ bản không thể đồng thời tồn tại hai hình thức lỗi (cố ý và vô ý), chính vì vậy cách quy định này có thể dẫn đến những bất hợp lý và vướng mắc trong quá trình xử lý những hành vi này. Điểm bất hợp lý dễ được nhận thấy nhất chính là vấn đề xác định có hay không có đồng phạm khi nhiều người cùng thực hiện tội đua xe trái phép. Theo quy định của BLHS hiện hành đồng phạm chỉ tồn tại ở những tội do cố ý, như vậy trong trường hợp đua xe trái phép không gây ra hậu quả thì những người có đặc điểm xấu về nhân thân là đồng phạm của nhau, ngược lại, nếu hậu quả đã xảy ra thì những người đó lại không thể là đồng phạm của nhau trong khi so với trường hợp trên tính chất của hành vi, tính liên kết giữa những người thực hiện hành vi cũng như tính nguy hiểm do sự liên kết đó gây ra hoàn toàn không thay đổi. Hơn thế nữa, nếu quy định trường hợp gây ra hậu quả là do lỗi vô ý và do đó những người cùng đua xe trái phép không thể là đồng phạm của nhau thì đương nhiên cho dù có hậu quả do một hoặc một số người trong số họ gây ra cũng không thể buộc những người khác chịu trách nhiệm về hậu quả đó, điều này cũng đồng nghĩa với việc không thể xử lý được họ về mặt hình sự nếu họ không có đặc điểm xấu về nhân thân như quy định hiện nay, trong khi đó với tính chất của hành vi đua xe trái phép thì khó có thể có trường hợp thiệt hại về

sức khỏe, tài sản của người khác lại do tất cả những người cùng đua xe gây ra.

Để khắc phục những bất cập này, chúng tôi cho rằng cần quy định tội đua xe trái phép là tội cố ý bằng cách bỏ dấu hiệu hậu quả và dấu hiệu đặc biệt về nhân thân trong cấu thành tội phạm cơ bản, quy định cấu thành tội phạm này là cấu thành tội phạm hình thức với hai dấu hiệu bắt buộc thuộc mặt khách quan là hành vi đua xe trái phép và phương tiện đua bắt buộc như quy định của điều luật hiện hành.

Thứ tư, về các tình tiết định khung tăng nặng "gây thiệt hại cho tính mạng hoặc gây thiệt hại nghiêm trọng cho sức khỏe, tài sản của người khác", "gây hậu quả rất nghiêm trọng" và "gây hậu quả đặc biệt nghiêm trọng" Hiện nay, chưa có văn bản nào giải thích chính thức về các tình tiết này vì vậy đã dẫn đến những cách hiểu khác nhau. Trên tinh thần giải thích tại tài liệu Hội nghị tập huấn chuyên sâu BLHS năm 1999, một số tác giả lý giải như sau: Gây thiệt hại cho tính mạng hoặc gây thiệt hại nghiêm trọng cho sức khỏe, tài sản của người khác là trường hợp làm chết một người hoặc gây thương tích hoặc tổn hại cho sức khỏe người khác từ 11% trở lên, gây thiệt hại cho tài sản của người khác có giá trị từ 100 triệu đồng trở lên; gây hậu quả rất nghiêm trọng là trường hợp làm chết hai người hoặc gây thương tích hoặc tổn hại cho sức khỏe người khác từ 31% trở lên; gây thương tích hoặc tổn hại cho

sức khỏe người khác mà tỷ lệ thương tật dưới 31% nhưng tổng tỷ lệ thương tật là từ 31% trở lên hoặc gây thiệt hại cho tài sản của người khác từ trên 200 triệu đồng và gây hậu quả đặc biệt nghiêm trọng là làm chết ba người trở lên hoặc gây thương tích hoặc tổn hại cho sức khỏe người khác từ 61% trở lên; gây thương tích hoặc tổn hại cho sức khỏe của nhiều người mà tỷ lệ thương tật dưới 61% nhưng tổng tỷ lệ thương tật là từ 61% trở lên hoặc gây thiệt hại cho tài sản của người khác từ trên 300 triệu đồng trở lên.

Tuy nhiên, chúng tôi cho rằng việc giải thích các tình tiết đó như vậy chưa đựng những điểm bất hợp lý rõ rệt. Nếu tình tiết "gây thiệt hại cho tính mạng hoặc gây thiệt hại nghiêm trọng cho sức khỏe" là làm chết một người hoặc gây thương tích hoặc tổn hại cho sức khỏe người khác từ 11% trở lên; tình tiết "gây hậu quả rất nghiêm trọng" là làm chết hai người hoặc gây thương tích hoặc tổn hại cho sức khỏe người khác từ 31% trở lên; gây thương tích hoặc tổn hại cho sức khỏe nhiều người khác mà tỷ lệ thương tật dưới 31% nhưng tổng tỷ lệ thương tật là từ 31% trở lên và "gây hậu quả đặc biệt nghiêm trọng" là làm chết ba người trở lên hoặc gây thương tích hoặc tổn hại cho sức khỏe người khác từ 61% trở lên; gây thương tích hoặc tổn hại cho sức khỏe của nhiều người mà tỷ lệ thương tật dưới 61% nhưng tổng tỷ lệ thương tật là từ 61% trở lên thì

có thể thấy giữa các loại thiệt hại trong cùng một tình tiết định khung tăng nặng - cùng thể hiện tính chất nguy hiểm cho xã hội ngang bằng nhau của những trường hợp phạm tội nhất định - lại không ngang bằng nhau (dù là tương đối). Hậu quả làm một người chết được đánh giá ngang bằng với hậu quả thương tích từ 11% đến 30%; hậu quả làm chết hai người được đánh giá ngang bằng với hậu quả thương tích từ 31% đến 60%; hậu quả làm chết ba người trở lên được đánh giá ngang bằng với hậu quả gây thương tích hoặc tổn hại cho sức khỏe người khác từ 61% trở lên. Rõ ràng, ngay cả đến việc gây hậu quả thương tích hoặc tổn hại cho sức khỏe người khác từ 61% trở lên cũng chỉ có giá trị ngang bằng một cách tương đối so với hậu quả làm chết một người chứ không thể bàn đến việc so sánh với hậu quả làm chết ba người trở lên. Cách đánh giá này không chỉ mâu thuẫn giữa các đại lượng được đưa ra so sánh mà còn mâu thuẫn với cách quy định trong các điều luật khác của BLHS liên quan đến thiệt hại về tính mạng, sức khỏe của con người. Tại khoản 3 Điều 104 việc gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác từ 61% trở lên được quy định cùng khung hình phạt với trường hợp gây thương tích dẫn đến chết người. Trường hợp vô ý làm chết người được quy định tại Điều 98 BLHS với hai khung hình phạt: Khung cơ bản (trường hợp làm chết một người) bị

phạt tù từ sáu tháng đến năm năm, khung tăng nặng (trường hợp làm chết nhiều người) bị phạt tù từ 3 năm đến 10 năm trong khi đó trường hợp vô ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác được quy định tại Điều 108 BLHS với khung hình phạt cảnh cáo, cải tạo không giam giữ đến 2 năm hoặc bị phạt tù từ 3 tháng đến 2 năm, theo điều luật này thậm chí việc gây thương tích dưới 31% không bị xử lý về hình sự. Với những phân tích đó đồng thời trên cơ sở tham khảo nội dung văn bản hướng dẫn về các tình tiết định khung tương ứng của các tội xâm phạm sở hữu theo Thông tư liên tịch số 02/2001/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BCA-BTP ngày 25/12/2001 hướng dẫn áp dụng một số quy định tại chương XIV "Các tội xâm phạm sở hữu" của BLHS năm 1999 chúng tôi cho rằng các tình tiết định lượng về hậu quả của điều luật này cần được giải thích với nội dung cụ thể như sau:

Gây thiệt hại cho tính mạng hoặc gây thiệt hại nghiêm trọng cho sức khỏe, tài sản của người khác là trường hợp:

- + Làm chết một người;
- + Gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của một đến hai người với tỷ lệ thương tật của mỗi người từ 61% trở lên;
- + Gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của ba đến bốn người với tỷ lệ thương tật của mỗi người từ 31% đến 60%;
- + Gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của nhiều người với tổng tỷ

lệ thương tật của tất cả những người này từ 61% đến 100 %, nếu không thuộc các trường hợp được hướng dẫn trên;

+ Gây thiệt hại về tài sản có giá trị từ 50 triệu đồng đến dưới 500 triệu đồng.

Gây hậu quả rất nghiêm trọng là trường hợp:

+ Làm chết hai người;
+ Gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của ba đến bốn người với tỷ lệ thương tật của mỗi người từ 61% trở lên;

+ Gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của năm đến bảy người với tỷ lệ thương tật của mỗi người từ 31% đến 60%;

+ Gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của nhiều người với tổng tỷ lệ thương tật của tất cả những người này từ 101% đến 200% nếu không thuộc các trường hợp được hướng dẫn trên;

+ Gây thiệt hại về tài sản có giá trị từ 500 triệu đồng đến dưới một tỷ năm trăm triệu đồng;

+ Gây thiệt hại về tính mạng, sức khỏe, tài sản thuộc hai đến ba trường hợp được hướng dẫn về tình tiết "Gây thiệt hại cho tính mạng hoặc gây thiệt hại nghiêm trọng cho sức khỏe, tài sản của người khác".

Gây hậu quả đặc biệt nghiêm trọng là trường hợp:

+ Làm chết ba người trở lên;
+ Gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của năm người trở lên với tỷ lệ

thương tật của mỗi người từ 61% trở lên;

+ Gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của tám người trở lên với tỷ lệ thương tật của mỗi người từ 31% đến 60%;

+ Gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của nhiều người với tổng tỷ lệ thương tật của tất cả những người này từ 201% trở lên, nếu không thuộc các trường hợp được hướng dẫn trên;

+ Gây thiệt hại về tài sản có giá trị từ một tỷ năm trăm triệu đồng trở lên;

+ Gây thiệt hại về tính mạng, sức khỏe, tài sản thuộc bốn trường hợp trở lên được hướng dẫn về tình tiết "Gây thiệt hại cho tính mạng hoặc gây thiệt hại nghiêm trọng cho sức khỏe, tài sản của người khác";

+ Gây thiệt hại về tính mạng, sức khỏe, tài sản thuộc hai trường hợp trở lên được hướng dẫn về tình tiết "Gây hậu quả rất nghiêm trọng".

Ngoài ra, những trường hợp hành vi phạm tội gây ra những hậu quả phi vật chất như ảnh hưởng xấu đến việc thực hiện đường lối của Đảng, chính sách của Nhà nước, gây ảnh hưởng về an ninh, trật tự, an toàn xã hội... thì tùy từng trường hợp cụ thể để đánh giá mức độ của hậu quả do tội phạm gây ra là rất nghiêm trọng hoặc đặc biệt nghiêm trọng./.

(1).Xem: PGS.TS. Nguyễn Ngọc Hoà, "Cấu thành tội phạm lý luận và thực tiễn", Nxb. Tư pháp, Hà Nội 2004, tr. 102.

(2).Xem: PGS.TS. Nguyễn Ngọc Hoà, Sđd. tr. 112 -113.